TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà

2. Ông Nguyễn Thái Sơn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T , sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: 171/78 đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quốc D, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: 121A/23 đường H, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Ttrình bày:

Bà và ông Lê Quốc D đã yêu nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 ngày 18/02/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn đời sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2019, ông D bị thất nghiệp, bà T đã nhiều lần động viên, chia sẻ với hy vọng ông D có việc làm nhưng đến nay vẫn không có kết quả, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà T lo liệu. Hơn nữa mâu thuẫn vợ chồng còn do tính tình ông D ngày càng thay đổi, dễ cáu gắt, ít khi cởi mở, chia sẻ và không quan tâm đến vợ, con, từ đó dẫn đến tình cảm của vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên không tìm được

tiếng nói chung. Vợ chồng không còn hòa hợp về mọi mặt từ giữa năm 2022 và đã tự ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay bà T cùng con trai đã dọn về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và xác định không còn tình cảm với ông D nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Quốc D.

Về con chung: Bà và ông Lê Quốc D có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Minh N cho đến khi thành niên; cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Lê Quốc D đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa án nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Quốc D có trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 06/7/2023 như sau: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không có tiếng nói chung và đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Ông Lê Quốc D xác nhận vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021. Ông D đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi cho đến khi khôn lớn. Trường hợp bà T không tiện chăm sóc cho con thì giao lại con cho ông nuôi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng phán của Thẩm và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu Tvà ông Lê Quốc D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông D đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà T, căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Lê Quốc D. Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Nguyễn Minh N cho đến khi con thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Án phí do nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T đối với bị đơn ông Lê Quốc D có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn ông Lê Quốc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D có đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ năm 2019 cho đến nay do ông D không có việc làm, bà T phải chịu gánh nặng lo liệu mọi chi phí sinh hoạt cho gia đình mà không có sự chia sẻ, quan tâm của chồng, hơn nữa vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông D và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông D.

Phía bị đơn ông Lê Quốc D có ý kiến xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không có tiếng nói chung với bà T và đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà T.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*" nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và trong quá trình giải quyết vụ án ông D có ý kiến đồng ý trước yêu cầu ly hôn của bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn đối với ông Lê Quốc D là có cơ sở.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, xét thấy con chung đang sống chung với bà T, đồng thời ông D có ý kiến đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi. Ông bà tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Nguyễn Minh N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận việc bà T và ông D tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Lê Quốc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D ngày 18/02/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021.

Giao con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/02/2021 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Quốc D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Thu T .

Ông Lê Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Lê Quốc D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Thu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê Quốc D.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013334 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Quốc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phúc Trường